

Vận dụng lý luận quản lý chất lượng tín dụng của ngân hàng thương mại vào hoạt động đào tạo sinh viên trình độ cao đẳng trong nền kinh tế thị trường

Vũ Thị Kiều Thanh*

*ThS, Giảng viên khoa Kinh tế, Trường CĐ Lào Cai

Received: 6/11/2023; Accepted: 16/12/2023; Published: 28/12/2024

Abstract: Credit quality management is important in banking business activities. To organize and implement credit management, commercial banks must specialize the functions of departments and enhance the ability to inspect and supervise credit activities as much as possible. This article presents credit quality management of commercial banks in the market economy and international integration.

Keywords: Credit quality management, commercial banking, market economy

1. Mở đầu

Trong hoạt động của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam, hoạt động tín dụng HĐTD là nghiệp vụ nền tảng, chiếm khoảng 60 - 80% trong danh mục tài sản có, tạo thu nhập từ lãi lớn nhất, nhưng cũng là hoạt động phức tạp, tiềm ẩn những rủi ro lớn cho các NGTM.

Báo cáo tổng kết cuối năm của Ngân hàng nhà nước giai đoạn 2018-2022 cho thấy tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng bình quân là 13,91% nhưng tốc độ tăng trưởng nợ xấu bình quân ở mức 51%, sản xuất kinh doanh của các DN đình đốn, chưa có tín hiệu phục hồi. Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, số DN giải thể, ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh là 46.100, tăng 26,9% so với cùng kỳ năm trước, con số này còn tiếp tục gia tăng làm cầu tín dụng của nền kinh tế suy yếu. Đặc biệt, sự đóng băng, sụt giá của thị trường bất động sản và sự xuống dốc của thị trường chứng khoán làm cho phần lớn khối nợ liên quan trực tiếp và gián tiếp đến lĩnh vực này trở thành nợ xấu và ngày càng xấu hơn. HĐTD của các NHTM đang phải đối mặt với vấn đề nợ xấu và nguy cơ rủi ro tín dụng tiếp tục gia tăng. Trước tác động của các yếu tố nêu trên, chất lượng tín dụng của các NHTM không ngừng bị đe dọa. Do đó QLCLTD luôn là vấn đề được các NHTM quan tâm hàng đầu, nhằm tạo ra sự tăng trưởng tín dụng một cách ổn định, bền vững, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong những năm tới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm, mục tiêu và yêu cầu đặt ra trong QLCLTD

2.1.1. Khái niệm QLCLTD

QLCLTD có ý nghĩa quan trọng trong HĐKD ngân hàng. Vì HĐKD ngân hàng chứa đựng nhiều rủi ro, rủi ro càng cao thì lợi nhuận càng cao. QLCLTD tốt sẽ tạo điều kiện nâng cao chất lượng HĐKD, tăng lợi thế cạnh tranh của ngân hàng. Trong hoạt động QLCLTD cần quán triệt phương châm phòng ngừa tích cực, hạn chế đến mức thấp nhất khả năng rủi ro có thể xảy ra.

2.1.2. Mục tiêu QLCLTD nhằm hướng tới hai mục tiêu cơ bản: Thứ nhất, QLCLTD nhằm tránh cho ngân hàng những thất bại, mất mát, thiệt hại không dự tính được, những tổn thất vượt quá khả năng chịu đựng; Thứ hai, QLCLTD nhằm chuẩn bị cho những thay đổi bất lợi, giảm bớt nhạy cảm đối với những thay đổi có hại của môi trường.

2.1.3. Yêu cầu của QLCLTD

- Giảm thiểu rủi ro đối với các khoản cho vay;
- Đảm bảo tính lành mạnh của khoản tín dụng;
- Thỏa mãn yêu cầu khách hàng về thủ tục đơn giản, thời gian thẩm định nhanh, lãi suất hợp lý,....

2.2. Nội dung quản lý chất lượng tín dụng

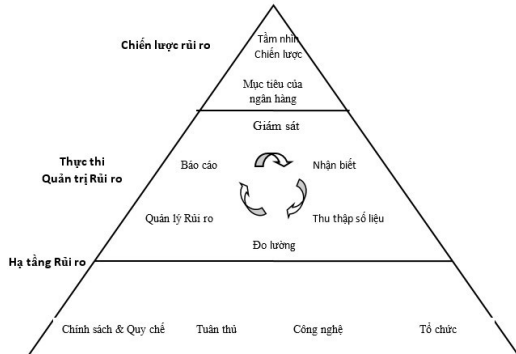
2.2.1. Xây dựng chính sách QLCLTD: là hệ thống các quan điểm và mục tiêu cơ bản cùng các giải pháp sử dụng một cách tốt nhất các nguồn lực, lợi thế của NHTM nhằm đạt được các mục tiêu đặt ra trong kiểm soát RRTD của ngân hàng.

Theo quy tắc QLCLTD của uỷ ban Basel: Hội đồng quản trị của ngân hàng phải có trách nhiệm định kỳ xem xét lại chính sách QLCLTD của ngân hàng mình. Xây dựng chính sách QLCLTD của ngân hàng phụ thuộc vào từng thời kỳ nhất định, những điều kiện bên trong và bên ngoài của ngân hàng. Một số căn cứ để xây dựng chính sách QLCLTD .

Kết tinh của chính sách QLCLTD chính là các chính sách về quy mô, giới hạn tín dụng; chính sách về kiểm soát và xử lý rủi ro được lựa chọn và ban hành.

2.2.2. Thiết lập quy trình QLCLTD

Tác dụng bao trùm của toàn bộ quy trình QLCLTD được thể hiện qua mô hình kim tự tháp QLCLTD



Sơ đồ 2.1. Kim tự tháp QLCLTD

(Nguồn: *Giáo trình Quản lý và KDNH*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2002)

Sơ đồ 2.1. thể hiện một quy trình tuần hoàn từ xác định chiến lược kinh doanh nói chung cũng như chiến lược QLCLTD nói riêng đến thực thi quá trình quản lý, trên các cơ sở nền tảng của toàn bộ quá trình QLCLTD.

Thiết lập khuôn khổ QLCLTD trong ngân hàng cũng như QLCLTD ban đầu chỉ đơn giản như là chức năng kiểm soát. Tuy nhiên gần đây, và một phần là do tác động của Basel II, đã có một xu hướng phát triển theo hướng gọi là “*QLCLTD tích hợp*”. Định nghĩa, giải thích, áp dụng cũng như thuật ngữ được dùng để miêu tả quy trình QLCLTD rất khác nhau ở các ngân hàng. Điều này được thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 2.1: Các quy trình QLCLTD ở một số NH

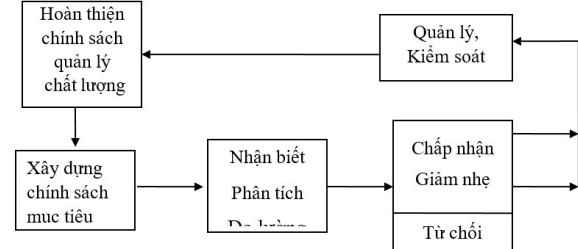
Basel	Barclays	JPMorgan Chase	UBS
Nhận biết và đánh giá rủi ro	Đánh giá (Xác định, phân tích và đo lường)	Xác định rủi ro Đo lường rủi ro	Xác định rủi ro Đo lường rủi ro có thể định lượng
Các hoạt động kiểm soát và phân chia nghĩa vụ	Kiểm soát	Giám sát/Kiểm soát rủi ro	Thiết lập các chính sách rủi ro Kiểm soát
Thông tin và truyền đạt thông tin	Báo cáo	Báo cáo rủi ro	Báo cáo rủi ro
Giám sát các hoạt động và sửa chữa những thiếu sót	Quản lý và thách thức	Giám sát/Kiểm soát rủi ro	Kiểm soát

Nguồn: *Học viện rủi ro toàn cầu – GARP*

Nhận xét: các bước QLCLTD luôn tương ứng với các yếu tố trong khuôn khổ của Basel. Các điểm

cần lưu ý trong bảng trên là: Các ngân hàng đều có xu hướng sử dụng các thuật ngữ “xác định” và “đo lường”, hơn là «nhận biết» và «đánh giá»; Các hoạt động giám sát luôn là một phần của các hoạt động kiểm soát; Hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ đóng vai trò quan trọng trong hoạt động giám sát.

Trong khuôn khổ bài báo này, tác giả trình bày nội dung quy trình của QLCLTD theo các bước thể hiện ở mô hình dưới đây:



Sơ đồ 2.2. Quy trình QLCLTD

Nguồn: *Học viện rủi ro toàn cầu – GARP*

2.2.3. Tổ chức thực hiện chính sách QLCLTD

Tổ chức thực hiện QLCLTD

Chất lượng tín dụng tốt phụ thuộc vào cơ cấu tổ chức quản lý hoạt động tín dụng (HĐTĐ) của ngân hàng. Hiện nay, phương thức tổ chức quản lý áp dụng HĐTĐ của NHTM là tách bạch giữa 3 chức năng: *chức năng kinh doanh, chức năng quản lý RRTD và chức năng tác nghiệp*.

Kiểm tra và giám sát HĐTĐ: Một trong các cầu phần của rủi ro tín dụng là rủi ro đạo đức. Để hạn chế rủi ro đạo đức, trong khâu QLCLTD, người ta thường giám sát khách hàng vay vốn, không đầu tư rủi ro món tiền của ngân hàng cho vay. Vì vậy, ngân hàng sẽ kiểm tra giám sát vốn vay sau khi giải ngân, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng theo định kỳ. Hiện nay các ngân hàng thực hiện các biện pháp cơ bản sau:

- Tiến hành kiểm tra, giám sát tất cả các loại hình tín dụng định kỳ và kiểm tra bất thường.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung quá trình kiểm tra thận trọng và chi tiết, đảm bảo những khía cạnh quan trọng nhất của mỗi khoản vay phải được kiểm tra.

- Kiểm soát và theo dõi thường xuyên những khoản cho vay lớn bởi việc không tuân thủ hợp đồng tín dụng của các khoản vay này có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính của ngân hàng.

- Quản lý chặt chẽ và thường xuyên các khoản tín dụng có vấn đề, tăng cường kiểm tra giám sát khi

phát hiện những dấu hiệu không lành mạnh liên quan đến khoản vay.

- Trong trường hợp tốc độ phát triển của nền kinh tế suy giảm hay các ngành chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục cho vay của ngân hàng phải đối mặt với những vấn đề lớn, thì ngân hàng phải tăng cường các biện pháp kiểm soát tín dụng.

Hiện nay phòng kiểm tra nội bộ thực hiện độc lập với HĐTD và tập trung vào hai phương diện chính: i) Kiểm tra, kiểm soát việc tổ chức chỉ đạo điều hành và đánh giá khái quát HĐTD; ii) Kiểm tra, kiểm soát đối với từng món vay cụ thể bao gồm cả khâu trước, trong và sau khi cho vay.

2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến QLCLTD trong NHTM

Để QLCLTD đồng bộ, đòi hỏi phải hiểu rõ tác động của các nhân tố ảnh hưởng chính, đó là các nhân tố khách quan và chủ quan

2.3.1. Nhân tố khách quan

* **Môi trường kinh tế (MTKT):** ổn định sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các khoản tín dụng có chất lượng cao, còn MTKT không ổn định thì các yếu tố lạm phát, khủng hoảng sẽ làm cho khả năng tín dụng và khả năng trả nợ vay biến động lớn làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thu nợ khi cho vay của ngân hàng.

* **Môi trường pháp lý:** Quan hệ tín dụng phải được pháp luật thừa nhận, pháp luật quy định cơ chế hoạt động tín dụng, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho HĐTD lành mạnh, phát huy vai trò đối với sự phát triển kinh tế xã hội, đồng thời duy trì HĐTD được ổn định, bảo vệ quyền và lợi ích của các bên tham gia quan hệ tín dụng.

* **Khách hàng:** Khách hàng có ảnh hưởng đến QLCLTD. Một khách hàng có tư cách đạo đức tốt, có tình hình tài chính vững vàng, có thu nhập sẽ sẵn sàng hoàn trả đầy đủ những khoản vốn vay của ngân hàng khi đến hạn thì công tác QLCLTD của ngân hàng sẽ thuận lợi và ngược lại.

2.3.2. Nhân tố chủ quan

* **Công tác tổ chức của ngân hàng:** Tổ chức ngân hàng phải sắp xếp một cách có khoa học, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các phòng ban trong từng ngân hàng, trong toàn bộ hệ thống ngân hàng cũng như giữa ngân hàng với các cơ quan khác.

* **Chất lượng nhân sự:** Đây là một nhân tố quan trọng. Sự thành công trong hoạt động QLCLTD phụ thuộc vào năng lực, trách nhiệm của cán bộ tín dụng, họ là người trực tiếp quản lý toàn bộ số vốn từ khi đầu tư cho đến khi kết thúc hợp đồng tín dụng, là bộ mặt của ngân hàng, là hình ảnh của ngân hàng nói với khách hàng.

* **Chính sách tín dụng của ngân hàng:** Đây là kim chỉ nam cho HĐTD của ngân hàng, nó có ý nghĩa quyết định sự thành công hay thất bại của ngân hàng.

* **Quy trình tín dụng:** Quản lý quy trình tín dụng giúp ngân hàng nắm được nguyên nhân diễn biến của khoản tín dụng đã cung cấp để có những hành động điều chỉnh hoặc can thiệp khi cần thiết, ngăn ngừa những rủi ro có thể xảy ra.

* **Thông tin tín dụng (TTTD):** có vai trò quan trọng trong QLCLTD. Nhờ có TTTD, người quản lý có thể đưa ra những quyết định cần thiết có liên quan đến cho vay, theo dõi và quản lý tài khoản cho vay. TTTD có thể thu được từ những nguồn sẵn có ở ngân hàng, từ khách hàng, từ các cơ quan chuyên về TTTD ở trong và ngoài nước, từ các nguồn thông tin khác.

* **Kiểm soát nội bộ:** Đây là biện pháp giúp Ban lãnh đạo ngân hàng có được các thông tin về tình trạng kinh doanh nhằm duy trì có hiệu quả các HĐKD đang được xúc tiến, phù hợp với các chính sách, đáp ứng được các mục tiêu đã định.

* **Trang thiết bị phục vụ cho HĐTD:** Ngân hàng trang bị đầy đủ các thiết bị tiên tiến phù hợp với khả năng tài chính, phạm vi, qui mô hoạt động sẽ giúp ngân hàng phục vụ kịp thời yêu cầu của khách hàng về tất cả các dịch vụ, phục vụ với chi phí cả hai bên cùng chấp nhận được, giúp các cấp quản lý của ngân hàng kịp thời nắm bắt tình hình HĐTD, để điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tế, nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

3. Kết luận

Qua nghiên cứu lý luận quản lý CLTD cho thấy, tùy theo sự phát triển, điều kiện kinh tế xã hội và sự hoàn thiện môi trường pháp lý của từng nước cũng như khả năng quản lý, CSVC kỹ thuật và trình độ cán bộ của từng NHTM mà các nhân tố này có ảnh hưởng khác nhau tới QLCLTD. Vấn đề cơ bản đặt ra là CBQL phải nắm chắc các nhân tố ảnh hưởng tới CLTD và biết vận dụng sáng tạo sự ảnh hưởng của các nhân tố này trong hoàn cảnh thực tế, từ đó tìm được những biện pháp QLCLTD có hiệu quả, hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro, sẽ tạo điều kiện cho sự thành công của HĐTD của các NHTM hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Học viện Ngân hàng (2001), *Tín dụng ngân hàng*, NXB Thống kê, Hà Nội.
2. Tổng Khánh Hòa (2011), *"Nâng cao chất lượng tín dụng tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Nam Định"*.
3. Tô Ngọc Hưng (2002), *Nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng*, NXB thống kê. Hà Nội